

Tập 78

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm hai mươi lăm.

Tứ, sở bị giai phẩm.

四、所被階品。

(Bốn, phẩm vị được hóa độ bởi kinh này).

“Giai” (階) là giai cấp, có ý nghĩa các tầng bậc sai khác, “phẩm” (品) là phẩm loại. Khi giới thiệu đại ý của cả bản kinh, phần này cũng là một hạng mục trọng yếu. [Sở bị giai phẩm] có nghĩa là căn khí, đẳng cấp như thế nào mới có thể học kinh này, mới có thể đạt được lợi ích chân thật. Vì thế, cần phải tìm hiểu. Sau khi hiểu rõ, chính mình mới biết căn tánh và trình độ hiện thời của chúng ta có thích hợp để tu học hay không? Trong phần này, chia thành hai đoạn, đoạn thứ nhất là Liễu Giản, đoạn thứ hai là Tổng Thâu. Đoạn thứ nhất (Liễu Giản) là chọn lọc, phân chia, phân biệt.

(Huyền Nghĩa) Dĩ tri thử kinh, văn lược, nghĩa phong, ngôn cận, chỉ viễn, vị ủy bị hà căn khí, hữu hà giai đẳng? Tiên minh liễu giản, tiền tam phi khí, vị vô tín giả, vô nguyện giả, vô hạnh giả, phản thị giai khí.

(玄義)已知此經，文略義豐，言近旨遠，未委被何根器，有何階等？先明料簡，前三非器，謂無信者、無願者、無行者，反是皆器。

(Huyền Nghĩa: Đã biết kinh này văn tự giản lược, ý nghĩa phong phú, lời lẽ gần gũi, ý chỉ sâu xa, chưa rõ kinh này thích hợp với căn khí nào, có những địa vị, tầng cấp như thế nào? Trước hết, nói về sự chọn lọc căn khí. Đầu tiên là ba loại chẳng phải là căn khí, tức là kẻ không có lòng tin, kẻ chẳng nguyện, kẻ chẳng có hạnh. Nếu không phải là những hạng người ấy thì đều là căn khí [thích hợp với kinh này]).

Hai câu đầu nhằm nói: Qua những điều được nói trong phần trước, chúng ta đọc xong, biết kinh văn của bộ kinh này tuy giản lược, nhưng ý nghĩa bao hàm trong ấy vô cùng phong phú. Câu văn thoát nhìn đơn giản, nhưng ý nghĩa hết sức sâu xa. Đại khái, đã thấu hiểu điều này, nhưng

chẳng biết hạng người có căn khí nào, thuộc giai tầng nào, phẩm loại nào mới thích hợp tu học pháp môn này. Trước khi tu học pháp môn này, chúng ta cần phải biết những điều này.

Ở đây, đại sư bảo chúng ta: Trước hết là phân loại, chọn lọc, phân chia, sắp xếp [căn tánh của hành nhân]. Trước hết, nói ba loại căn khí trong phần trên là “*phi khí*”, tức là những kẻ chẳng thích hợp tu học pháp môn này. Nói “*căn khí*” là vì kinh Phật thường dùng chữ “*khí*” để làm tỷ dụ. Thí dụ như “*khí mãnh*” (器皿: đồ đựng) ắt phải hoàn chỉnh thì mới có tác dụng, giống như chúng ta có chén trà. Chén trà này tốt đẹp thì gọi là “*khí*”; nếu nó bị nứt, chẳng thể gọi là “*khí*”. Rót nước vào sẽ bị rò rỉ, chẳng thể dùng được!

Ba loại nào là phi khí? Đây là những kẻ chẳng thích hợp tu học pháp môn này, ở đây nói rất rõ ràng. Thứ nhất là “*vô tín giả*”, [tức là] kẻ ấy chẳng tin tưởng. Đối với chuyện niệm Phật đời nghiệp vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới kẻ ấy chẳng tin tưởng, vậy thì tu học pháp môn này vô ích, chẳng đạt được điều tốt đẹp. Thứ hai là “*vô nguyện giả*”, thiếu nguyện, tuy tin tưởng, mà chẳng mong vãng sanh. Đối với Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng hoài nghi, nhưng trọn chẳng hâm mộ, chẳng có ý nghĩ cầu sanh Tây Phương. Đối với kẻ này cũng chẳng có cách nào hết, sức mạnh của kinh này chẳng phát sanh tác dụng đối với hắn. Thứ ba là “*vô hạnh giả*”, tuy có tín nguyện, nhưng chẳng niệm Phật, chẳng chịu niệm Phật thì cũng chẳng có cách gì hết, cũng chẳng thể thành công! Trừ ba hạng người này ra, nói cách khác, ai nấy đều có phần, “*phản thị giai khí*” (ngược lại thì đều là căn khí thích hợp), đủ thấy pháp môn này rộng lớn! Đó gọi là “*tam căn phổ bị, lợi độn toàn thu*” (thích hợp khắp ba căn, gồm thâu lợi căn lẫn độn căn); chỉ cần quý vị tin tưởng, bằng lòng vãng sanh, quý vị chịu niệm Phật là được. Đây là căn khí của pháp môn này.

(Sớ) *Tiên minh căn khí, hữu thị, hữu phi.*

(疏) 先明根器，有是有非。

(Sớ: Trước hết nói về căn khí, có căn khí thích hợp, có căn khí chẳng thích hợp).

“*Thị*”: Người ấy là căn khí tu pháp môn Niệm Phật. “*Phi*”: Người ấy chẳng phải là căn khí của pháp môn Niệm Phật.

(Sớ) *Thứ biệt giai đẳng, hữu thắng, hữu liệt.*

(疏) 次別階等，有勝有劣。

(Sớ: Kế đó là phân biệt phẩm cấp, có phẩm cấp thù thắng, có phẩm cấp hèn kém).

Sự sai biệt trong tầng cấp, phẩm vị rất lớn. Kinh sớ đều nói rất rõ ràng.

(Sớ) Dục linh xả phi tùng thị.

(疏) 欲令捨非從是。

(Sớ: Nhằm làm cho [người nghe] bỏ sai, theo đúng).

Pháp môn này ai nấy đều có phần, quý vị chẳng tin thì không có cách nào hết. Chỉ cần quý vị có đủ tín, nguyện, hạnh, sẽ có phần nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới, cho nên nói là “xả phi tùng thị”.

(Sớ) Khí liệt thủ thắng.

(疏) 棄劣取勝。

(Sớ: Bỏ hèn kém, lấy thù thắng).

Đây là vấn đề trọng yếu nhất trong đoạn này.

(Sớ) Tín, vị tín sanh Phật bất nhị. Chúng sanh niệm Phật, định đắc vãng sanh, cứu cánh thành Phật cố.

(疏) 信，謂信生佛不二，眾生念佛，定得往生，究竟成佛故。

(Sớ: Tín nghĩa là tin chúng sanh và Phật chẳng hai. Chúng sanh niệm Phật nhất định được vãng sanh, rốt ráo thành Phật).

Đây là điều chúng ta trước hết phải tin tưởng. Từ kinh luận, quý vị có thể quan sát thấy, hoặc đọc từ ngữ lục của tổ sư, quý vị biết học Phật nhất định phải hỏi, học hỏi! Nhất định phải hỏi. Nếu quý vị chẳng chịu hỏi, có rất nhiều ý nghĩa nghe xong, chưa chắc quý vị đã thật sự hiểu được ý nghĩa đó, mà có thể là nghe sai lệch, hiểu cong queo, đấy mới là oan uổng! Chúng ta chẳng hiểu cong queo, cũng phải hỏi xem có phải là ý nghĩa ấy hay không? Thuở đức Phật tại thế, trong mỗi hội [giảng kinh], nói chung, các đệ tử nêu lên nhiều câu hỏi. Lý giải hoàn toàn chẳng sai lầm cũng phải thỉnh giáo đức Phật, đức Phật bèn ấn chứng ngay khi đó:

“*Như thị, như thị*” (đúng như thế, đúng như vậy), ông lãnh hội chẳng sai. Nếu sai lầm, đức Phật lại uốn nắn vị ấy. Hiện thời, chúng ta học Phật sở dĩ chẳng thành tựu là vì không hỏi. Nếu chính người ấy hiểu sai lệch, ra ngoài cũng sẽ nói sai. Đương nhiên chính người ấy chẳng biết mình sai; nếu biết là sai, sẽ chẳng sai nữa. Chính mình sai mà không biết, lại chẳng chịu hỏi han, vậy thì còn có cách nào nữa đây? Cho nên nói là “không còn có cách nào cả!” Bởi vậy, ở Đài Loan, chúng tôi giảng kinh chỉ là giảng, giảng xong thì thôi, tại Đài Loan quen thói như thế, chứ ở ngoại quốc thì không được. Ở ngoại quốc, giảng một tiếng đồng hồ, tối thiểu phải dành nửa tiếng để mọi người nêu câu hỏi. Có khi thời gian thắc mắc còn dài hơn thời gian giảng. Họ chịu hỏi, hỏi hết sức nhiệt tình, khác hẳn phong cách của chúng ta ở nơi đây. Phong cách của chúng ta ở nơi đây giống như Không lão phu tử tán thán Nhan Hôi, Nhan Hôi nghe Không Tử giảng chưa hề nêu câu hỏi, nhưng Ngài thật sự hiểu.

Thứ nhất là phải tin Phật và chúng sanh là một, không hai; mê thì gọi là chúng sanh, giác bèn gọi là Phật. Mê là gì? Ngộ là gì? Phải hiểu rõ ràng! Mê hay ngộ chẳng phải ở bên ngoài, mê hay ngộ ở bên trong, ở trong tâm! Cái gì mê? Tâm mê! Cái gì ngộ? Tâm khai ngộ! Tâm chẳng mê, gọi là Phật. Tâm chẳng ngộ, gọi là chúng sanh. Phật là chúng sanh tâm địa giác ngộ, chúng sanh mê mất chư Phật trong tự tánh. Cổ nhân nói: “*Chư Phật tâm nội chúng sanh, trần trần lưu chuyển*” (chúng sanh ở trong tâm chư Phật, lưu chuyển từng vi trần), luân hồi trong lục đạo, “*chúng sanh tâm trung chư Phật, niệm niệm chứng chân*” (chư Phật ở trong tâm chúng sanh chứng chân lý trong mỗi niệm). Vì thế, chúng sanh và Phật là một, không hai. Mê là mê cái tâm này, ngộ là ngộ cái tâm này. Lại nói thật cùng quý vị, tâm đâu có mê hay ngộ? Nếu tâm có mê và ngộ, cái tâm ấy chẳng thể gọi là chân tâm! Tâm quả thật chẳng có mê hay ngộ; vì thế, mê là hư vọng, chẳng chân thật. Tuy chẳng chân thật, nhưng quả thật có chuyện ấy, có chuyện như vậy.

Học Phật, không gì chẳng nhằm trừ khử mê tình mà thôi. Hễ học Phật, vừa bắt đầu bèn truyền trao Tam Quy Y, Tam Quy Y là truyền dạy tổng cương lãnh tu học Phật pháp cho quý vị. Thứ nhất là “giác chứ không mê”, đó là Quy Y Phật. Phật là tự tâm giác, giác chứ không mê bèn gọi là Phật. Quy (皈) là trở về, quy là quay lại, từ đâu trở về? Từ mê quay trở lại, nương theo tự tánh giác thì gọi là Quy Y Phật. Từ tà, tức tà tri tà kiến, tức là từ tri thức, kiến giải, ý nghĩ sai lầm của quý vị mà quay lại, nương theo điều chính xác, nương theo chánh tri chánh kiến, đó là Quy Y Pháp. Quy y Tăng, Tăng có nghĩa là thanh tịnh, tự tánh thanh tịnh, từ nhiễm ô mà

quay trở lại, nương theo sự thanh tịnh trong tự tánh, bèn gọi là Quy Y Tăng. Ba điều này là tổng cương lãnh tu học trong Phật pháp.

Phật pháp có thay đổi phương thức sống của chúng ta hay không? Thưa quý vị, chẳng thay đổi! Trong cách thức sống hiện tại của quý vị, Phật cần thay đổi điều gì? Thay đổi cái tâm của quý vị, đổi tâm mê thành tâm giác, đổi tâm tà thành chánh, đổi tâm nhiễm thành tịnh. Nói cách khác, nếu tâm địa quý vị là giác - chánh - tịnh, cuộc sống hiện tại của quý vị là Phật pháp, quý vị phải hiểu rõ đạo lý này. Phật dạy quý vị giác - chánh - tịnh. Do điều này, thuở Phật hiện diện tại Ấn Độ, Ngài trọn chẳng thay đổi điều gì đặc biệt đối với phương thức sống của người Ấn Độ, chỉ thêm giác - chánh - tịnh vào đó mà thôi! Phật pháp truyền sang Trung Quốc trọn chẳng thay đổi thói quen, ý thức và hình thái sinh hoạt của chúng ta, xử sự, đãi người, tiếp vật, học theo giác - chánh - tịnh là được rồi. Điều này càng được hiển thị rõ rệt qua năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba vị [thiện tri thức], trẻ, già, trai, gái, các ngành nghề, thật sự tiêu biểu cho kinh Đại Thừa, Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại! Giác - chánh - tịnh mà thôi! Chúng ta ngày nay khác Phật là vì Phật giác, còn chúng ta bất giác, Phật chánh, chúng ta chẳng chánh, Phật thanh tịnh, chúng ta chẳng thanh tịnh. Trừ những điều này ra, chúng ta và Phật có khác nhau hay không? Chẳng khác gì hết!

Nói đến tín thì điều đầu tiên phải tin Tự và Tha bất nhị. Không chỉ Liên Trì đại sư nói như vậy, mà trong sách Yếu Giải, Ngẫu Ích đại sư cũng giảng sáu điều: Thứ nhất là Tín Tự, tin chúng sanh và Phật chẳng hai là tin vào chính mình. Thứ hai là tin tưởng Thích Ca Mâu Ni Phật chẳng nói dối chúng ta, [những điều Phật nói] chẳng phải là giả, tin tưởng bốn mươi tám điều nguyện của A Di Đà Phật là thật, đó là Tín Tha. Chúng ta tín nguyện niệm Phật tại nơi đây, trong tương lai khi lâm chung, A Di Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn. Đó là Tín Tha. Điều đầu tiên là tin vào chính mình, tin tưởng chính mình chiếu theo pháp môn này để tu học, nhất định thành Phật trong một đời này, phải có tín niệm kiên cường như thế, đó gọi là “căn bản của lòng tin”, tin vào tự tâm.

Lòng tin trong Phật pháp khác với lòng tin của các tôn giáo thông thường. Điều phải tin thứ nhất trong các tôn giáo thông thường là tin vào thần, hết thấy đều phải dựa dẫm thần. Phật pháp không như vậy! Điều thứ nhất trong Phật pháp là tin vào chính mình, điều thứ hai mới là tin thần, [tức là tin] Phật, Bồ Tát có thể giúp đỡ chúng ta. Điều thứ nhất là phải tin vào chính mình; do vậy, quả thật Phật giáo chẳng giống với tôn giáo. Trừ kiến lập tín tâm căn bản ra, điều yếu khẩn là phải tin Tam Bảo: Tin Phật,

tin Pháp, tin Tăng. Trong kinh luận, đức Phật thường nói sáu niềm tin: Tam Bảo có Tự Tánh Tam Bảo và Trụ Trì Tam Bảo, nhất định phải từ Trụ Trì Tam Bảo mà khai phát Tự Tánh Tam Bảo; đó mới gọi là “tin Tam Bảo”, quyết định chẳng bị ngoại cảnh bên ngoài dao động, điều này rất trọng yếu.

Nói đến căn bản, tự tâm, Tịnh Độ thường nói “*duy tâm Tịnh Độ, tự tánh Di Đà*”, hai câu này có ý nghĩa thật sự rất sâu xa, nhưng là sự thật, kiến lập trên căn bản của lòng tin. Tây Phương Cực Lạc thế giới, A Di Đà Phật có quan hệ rất mật thiết với chúng ta. Nói cách khác, chẳng phải là người ngoài, về căn bản là người trong một nhà, quan hệ vô cùng thân mật, lẽ nào chẳng thể vãng sanh? Lẽ nào lúc lâm chung chẳng đến tiếp dẫn? Tín tâm cơ bản của chúng ta được kiến lập ở chỗ này. Vì thế, nói: “*Chúng sanh niệm Phật, định đắc vãng sanh*” (chúng sanh niệm Phật, nhất định được vãng sanh). Ngữ khí hết sức khẳng định! “*Cứu cánh thành Phật*” (rốt ráo thành Phật) là thành vị Phật viên mãn trong Viên Giáo, thành Viên Giáo Phật. Có bốn loại Phật là Tạng, Thông, Biệt, Viên; chỉ có Viên Giáo Phật mới là rốt ráo viên mãn.

(Sớ) Như kinh sớ vân.

(疏) 如經所云。

(Sớ: Như kinh đã nói).

Tiếp theo là dẫn kinh Di Đà để nói.

(Sớ) Nhữ đẳng giai đương tín thọ ngã ngữ, thị dã.

(疏) 汝等皆當信受我語，是也。

(Sớ: “Các ông đều nên tin lời ta nói” chính là ý này).

“Ngã” là Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Tin tưởng lời Phật, người ấy có phước.

(Sớ) Nguyên, vị tín phi đồ tín.

(疏) 願，謂信非徒信。

(Sớ: Nguyên có nghĩa là lòng tin chẳng phải là tin suông).

Chữ Tín chẳng phải là nói ta tin rồi thôi, như vậy là không được! Đã tin thì phải phát nguyện.

(Sớ) Như tử ức mẫu, chiêm y hướng mộ, tất dục vãng sanh cố.

(疏) 如子憶母，瞻依向慕，必欲往生故。

(Sớ: Như con nhớ mẹ, lòng luôn chiêm ngưỡng, nương tựa, hâm mộ, hướng về, ắt muốn được vãng sanh).

Đây là nguyện. “*Như tử ức mẫu*”, câu này phát xuất từ kinh Lăng Nghiêm. Chương Đại Thế Chí Bồ Tát Viên Thông có câu: “*Thập phương chư Phật lân niệm chúng sanh*” (mười phương chư Phật nghĩ thương xót chúng sanh), cũng là vương vấn chúng sanh, hoài niệm chúng sanh. “*Như mẫu ức tử*”, giống như mẹ hiền nghĩ đến con; dùng điều này để sánh ví chư Phật nghĩ tới chúng sanh. Phật nghĩ tới chúng sanh, đáng tiếc là chúng sanh chẳng nghĩ tới Phật, không có cách nào hết! Kinh dạy: “*Tử nhược ức mẫu, như mẫu ức thời, mẫu tử lịch sanh, bất tương vi viễn*” (nếu con nhớ mẹ như khi mẹ nhớ đến con, thì mẹ và con trải qua nhiều đời chẳng hề xa cách). Đây là nói đến cảm ứng. Con nghĩ đến mẹ, giống như mẹ nhớ đến con, hai người bèn có cảm ứng. Đại Thế Chí Bồ Tát dùng lý luận này để thuyết minh mối quan hệ cảm ứng giữa chúng sanh và A Di Đà Phật. Hiện tại, Phật niệm chúng ta, chúng ta quên niệm Phật. Nếu chúng ta niệm Phật giống như Phật niệm chúng ta, quý vị nhất định vãng sanh trong một đời này. Vì thế, đọc đến kinh này, nghe pháp môn này, phải sanh cái tâm hâm mộ, hướng về, “*Chiêm y*”: “Chiêm” (瞻) là chiêm ngưỡng, y (依) là nương tựa, “*hướng mộ*”: Mộ (慕) là giống trẻ nhỏ yêu mến, ngưỡng mộ cha mẹ, nhất định cầu vãng sanh, nhất định cầu thấy Phật. Đó gọi là phát nguyện, đó là có nguyện.

Đối với thứ gì trong thế gian này cũng đều có thể buông xuống, đều có thể bỏ, chỉ mong vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Lại thưa với quý vị, chẳng có thứ gì trong thế giới này quý vị có thể đạt được! Toàn là giả! Chúng sanh chẳng đạt được mà cứ tưởng đã đạt được, đó là mê, tâm mê mất rồi! Người giác ngộ hiểu: Chẳng có gì để có thể đạt được! Muốn thật sự đạt được, chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến nơi ấy thì thứ gì quý vị cũng đều có thể đạt được. Bởi vậy, trong thế gian này, người thân ái, những người ta chẳng muốn xa lìa, nói thật ra, chẳng muốn lìa xa, nhưng đến cuối cùng vẫn phải biệt ly, chẳng thể không biệt ly! Không có cách nào cả! Chỉ có một biện pháp là khuyên người ấy niệm A Di Đà Phật, khuyên người ấy cầu sanh Tịnh Độ, tương lai quý vị đến thế giới Cực Lạc, người ấy cũng đến, sẽ thường ở cùng một chỗ. Trừ biện pháp này ra, không có cách nào hết! Con người sau khi chết luân hồi trong

lục đạo, biết ai sẽ đi vào đâu! Sau này dẫu có gặp nhau, sợ rằng trăm ngàn vạn kiếp sau mới có thể gặp mặt một lần, gặp mặt mà chưa chắc có kết quả tốt đẹp gì! Do vậy, chỉ có một biện pháp tốt đẹp là mọi người cùng sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) Như kinh sở vân.

(疏) 如經所云。

(Sớ: Như kinh đã nói).

Đây cũng là dẫn lời đức Phật đã nói trong kinh Di Đà.

(Sớ) Ứng đương phát nguyện, sanh bỉ quốc độ, thị dã.

(疏) 應當發願，生彼國土，是也。

(Sớ: “Hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy”, chính là nói tới điều này).

Phản trên đã khuyên chúng ta hãy tin tưởng lời Ngài, ở đây, khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Thật sự tin sâu, phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, đây mới là đệ tử bậc nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật. Kinh Vô Lượng Thọ nói đệ tử tốt nhất của Thích Ca Mâu Ni Phật là học sinh biết nghe lời nhất, thật sự tin tưởng thầy, chẳng trái nghịch lời thầy răn dạy. Đó là đệ tử bậc nhất, là học sinh tốt nhất.

(Sớ) Hạnh, vị nguyện phi hư nguyện.

(疏) 行，謂願非虛願。

(Sớ: Hạnh có nghĩa là nguyện chẳng phải là nguyện hư giả).

“Hư” là chẳng thật. Nguyện là chân thật, chẳng phải là giả nguyện.

(Sớ) Thường hành tinh tấn, niệm niệm tương tục, vô hữu gián đoạn cố.

(疏) 常行精進，念念相續，無有間斷故。

(Sớ: Thường hành tinh tấn, niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn).

Trong mười hai thời, một câu Phật hiệu chẳng gián đoạn, thật sự tinh tấn niệm Phật. Nói “trong mười hai thời chẳng gián đoạn”, chúng ta nghe câu này xong, đừng chấp chết cứng vào lời nói, chết cứng nơi đó là

lầm mất rồi! Quý vị nghe câu nói này, được rồi! Từ nay trở đi suốt ngày từ sáng đến tối niệm A Di Đà Phật, chuyện gì cũng chẳng muốn làm! Có người như vậy hay không? Có đấy! Đó là người phước báo đặc biệt lớn. Người ấy chẳng cần làm việc, có người cúng dường, giống như những người bề quan niệm Phật, đó là người có phước báo lớn. Nay quý vị hằng ngày phải làm việc, hằng ngày phải bươn chải kiếm sống. A! Quý vị cũng liêu mạng niệm Phật, suốt ngày từ sáng đến tối niệm Phật, lại còn nghĩ phải làm việc. Rốt cuộc là Phật chẳng niệm ra gì, mà công việc cũng chẳng ra làm sao! Pháp thế gian lẫn xuất thế gian đều không xong, trật lất rồi! Xưa nay những bậc tổ sư đại đức trong Tịnh Độ Tông, đối trước Phật phát nguyện, tín nguyện trì danh, trừ lúc ăn ngủ, công phu chẳng gián đoạn. Các đồng tu tại gia có rất nhiều công chuyện, trong khi quý vị làm việc phải buông niệm Phật xuống để chuyên tâm làm việc.

Đừng nên hiểu lầm “nhất tâm bất loạn”. Nhất tâm bất loạn là xử sự, đãi người, tiếp vật, bất luận làm chuyện gì, đều là nhất tâm, chuyên tâm. Chúng ta niệm Phật đến nhất tâm bất loạn, phải vận dụng trong xã hội, vận dụng vào cuộc sống thường ngày thì mới hữu ích. Quý vị vừa lái xe vừa nhất tâm bất loạn niệm Phật, xong luôn! Xảy ra tai nạn xe cộ! Nếu niệm Phật kiểu đó, pháp môn Niệm Phật này sẽ bị toàn thể xã hội phê bình, bị toàn thể xã hội gạt bỏ, vì sao? Chẳng hợp với tình cảm con người. Mọi người đều học Phật [theo kiểu đó] thì toàn thể xã hội tê liệt, còn làm gì được nữa? Quý vị học Phật, người trong nhà cũng chẳng cần ăn cơm. Vợ con quý vị hằng ngày đòi meo, họ nhất định sẽ rêu rao bên ngoài: “Ngàn vạn phần đừng nên học Phật! Học Phật không được đâu, đều biến thành bệnh thần kinh hết!” Do vậy, nhất định phải hiểu đạo lý này. Làm chuyện gì đều phải chuyên tâm làm, đó gọi là nhất tâm bất loạn. Ăn cơm bèn nhất tâm bất loạn ăn cơm, mặc áo bèn nhất tâm bất loạn mặc áo, tiếp đãi khách khứa bèn nhất tâm bất loạn tiếp đãi, pháp thế gian lẫn xuất thế gian điều gì cũng viên mãn, niệm Phật mới có công hiển đối với toàn thể xã hội, mọi người mới cảm thấy [niệm Phật] thật sự là cần thiết. Đừng nên hiểu lầm, nghe câu này mà hiểu lầm là không được đâu!

Lại thưa cùng quý vị, niệm Phật “*niệm niệm tiếp nối, chẳng gián đoạn*” thì trong mỗi niệm sẽ là niệm gì? Là giác niệm, chánh niệm, thanh tịnh niệm. Một câu A Di Đà Phật dịch sang nghĩa tiếng Hán là Vô Lượng Giác, A là vô, Di Đà là lượng, Phật là giác. Chúng ta thứ gì cũng đều giác chứ không mê, đó chính là A Di Đà Phật; chúng ta chẳng niệm câu Phật hiệu cũng là niệm Phật. Chúng ta giác chứ không mê, thứ gì cũng đều giác chứ không mê. Xử sự, đãi người, tiếp vật, ta đều chẳng mê, chẳng tà, chẳng

niệm, một câu Phật hiệu cũng chẳng niệm mà người ấy được gọi là người thật sự niệm Phật. Chúng ta niệm một câu A Di Đà Phật để nhắc nhở chính mình hãy giác - chánh - tịnh, nhắc nhở chính mình!

Quý vị nhất định phải hiểu rõ, quý vị có thể buông Phật hiệu xuống, lúc làm việc tâm địa thanh tịnh chẳng niệm mấy trần thì làm việc vẫn là niệm Phật, [đừng nghĩ rằng]: “Ta đang làm việc, không niệm Phật!” Quý vị nhất tâm bất loạn thì nhất tâm bất loạn là niệm Phật. Vì thế, trong mười hai thời chẳng bị gián đoạn, mọi người phải hiểu đạo lý này, chớ nên hiểu lầm! Do vậy, hễ có nghi hoặc nhất định phải hỏi, quyết định phải học Phật, đừng học theo bằng môn ngoại đạo.

(Sớ) Như kinh sở vân, chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn, thị dã.

(疏) 如經所云，執持名號，一心不亂，是也。

(Sớ: Như kinh đã nói “chấp trì danh hiệu, nhất tâm bất loạn” chính là nói về điều này).

Những điều chúng tôi vừa thưa cùng quý vị đều là đại ý của nhất tâm bất loạn. Người niệm Phật bất luận làm chuyện gì cũng đều chuyên tâm, đều là nhất tâm, chính mình có thể thành tựu, mà cũng có thể cảm động người khác. Có những kẻ rất chấp trước, chẳng hạn như trong khi họ đang tụng kinh, có ai đến đều chẳng đoái hoài, quyết định chẳng chào hỏi, quyết định chẳng tiếp đãi, thưa quý vị, những kẻ ấy là hạng Tiểu Thừa, giới luật Tiểu Thừa quả thật là như thế. Đại Thừa chẳng giống vậy, Bồ Tát đang tụng kinh, có khách đến, vị ấy lập tức xếp kinh lại để tiếp đãi khách, đợi đến khi khách đi khỏi lại tiếp tục niệm. Trong khóa tụng của đoàn thể thì không nói, vì phải chú ý giữ oai nghi cho đại chúng. Còn khi cá nhân tụng niệm sáng tối, hễ có chuyện gì đưa đến, người ấy cũng buông khóa tụng xuống, ra gặp khách.

Trong quá khứ, thầy Lý ở Đài Trung giống như vậy, chưa hề nói “chẳng tiếp khách, đợi khóa tụng xong sẽ gặp”, theo cách suy nghĩ thông thường của chúng ta thì đều nên làm như vậy. Lão nhân gia giải thích: Bồ Tát đạo lợi ích chúng sanh là bậc nhất. Chuyện của chúng sanh được xếp vào mức ưu tiên bậc nhất, người ta từ xa xôi [tìm đến] nhất định có chuyện cần gặp quý vị. Nếu quý vị để họ đợi nửa ngày, người ta cũng có chuyện khác, đâu có nhiều thời gian để chờ đợi? Do vậy, hễ khách đến, lập tức phải gặp mặt. Đừng khiến người ta nói: “Kẻ học Phật phách lối quá”, khiến cho người ta có cảm nghĩ xấu. Nhất là kẻ chưa học Phật đến gặp quý vị,

thấy quý vị làm bộ làm tịch như thế: “Gã này thật quá sức, thật là trịch thượng quá”. Kẻ ấy khởi lên cảm nghĩ xấu, hủy báng Phật pháp. Đang trong lúc tụng kinh, người ta đến, lập tức buông xuống để gặp mặt, người ta cảm giác đặc biệt thân thiết, cảm thấy: “Người này hết sức từ bi. Quý vị thấy đó, ông ta đang tụng kinh, tôi có chuyện phải kiếm ông ta, ông ta ngưng tụng kinh để tiếp đãi tôi”. Người ấy bị cảm động. Chuyện cảm động ấy là tích cực, người ấy đối với Phật giáo vĩnh viễn mang tấm lòng cảm ân, đó là “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”. Đây là độ chúng sanh, khiến cho chúng sanh đối với Phật pháp có ấn tượng tốt, đừng gây ấn tượng xấu cho họ. Những điều này đều là nói về chuyên tâm, nhất tâm.

(Sớ) *Thử chi tam sự, hiệu vi tư lương.*

(疏) 此之三事，號為資糧。

(Sớ: Ba chuyện này được gọi là tư lương).

“*Tư*” là tư bản (資本), tức tiền vốn; “*lương*” (糧) là lương thực. “*Tư lương*” là những thứ trước kia ra khỏi cửa ắt phải mang theo. Hiện thời giao thông thuận tiện, chỉ mang tiền bên thân là được rồi. Trước kia, mang theo tiền chưa chắc đã mua được thức ăn, nên cần phải mang lương khô, mang nước theo. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, tư lương là Tín - Nguyện - Hạnh, ba chuyện này đầy đủ sẽ hội đủ điều kiện vãng sanh thế giới Cực Lạc.

(Sớ) *Tư lương bất sung, vãng khắc tiền tấn.*

(疏) 資糧不充，罔克前進。

(Sớ: Tư lương chẳng đủ, chẳng thể tiến lên được!)

Tư lương chẳng đủ, không có cách nào tiến lên. Ba món tư lương đầy đủ, sẽ tinh tấn tiến bước trên con đường vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

(Sớ) *Hựu phục thử tam, như đỉnh tam túc, hoặc câu vô, hoặc cụ nhất khuyết nhị, hoặc cụ nhị khuyết nhất, giai bất khả dã.*

(疏) 又復此三，如鼎三足，或俱無，或具一缺二，或具二缺一，皆不可也。

(Sớ: Lại nữa, ba điều này như ba chân của cái đỉnh, hoặc thiếu cả ba, hoặc có một thiếu hai, hoặc đủ hai thiếu một, đều chẳng thể được!)

Dùng cái “đỉnh” làm tỷ dụ. Đỉnh phải có ba chân mới đứng vững được, thiếu một cũng chẳng thể được, thiếu hai điều cũng không được, ba điều đều thiếu cũng chẳng được, điều này nhằm bảo chúng ta: Ba điều kiện này chẳng thể thiếu một điều nào!

(Sớ) Hựu dĩ dụ minh.

(疏) 又以喻明。

(Sớ: Lại dùng thí dụ để giảng rõ).

Dưới đây lại nêu tỷ dụ để nói rõ.

(Sớ) Thí chi ngũ cốc, kỳ vô tín giả, bất tín tức chủng thị cốc, tài bồi thử chủng, định đắc thành cốc giả dã.

(疏) 譬之五穀，其無信者，不信即種是穀，栽培此種，定得成穀者也。

(Sớ: Ví như ngũ cốc, kẻ không có lòng tin sẽ chẳng tin nếu gieo trồng, vun quén giống thóc lúa ấy, nhất định sẽ thu hoạch thóc lúa).

Dùng ngũ cốc¹ để làm tỷ dụ, nay ta nói là thực vật. Trước tiên, quý vị phải tin tưởng những hạt giống này là đúng! Chúng ta nói đến thóc gạo thì những hạt giống này là thóc gạo, quý vị phải tin tưởng. Sau khi gieo trồng, tương lai nó sẽ sanh ra thóc gạo, quý vị phải tin tưởng. Nếu quý vị chẳng tin, chẳng chịu gieo trồng, chẳng còn cách nào nữa, thóc gạo vĩnh viễn chẳng sanh ra!

(Sớ) Tín nhi vô nguyện giả, tuy tri giai chủng, vô tâm cầu cốc giả dã.

(疏) 信而無願者，雖知佳種，無心求穀者也。

(Sớ: Tín mà không có nguyện, [giống như] tuy biết là giống tốt, nhưng không có tâm cầu thóc gạo).

¹ Ngũ cốc là năm loại hạt chính dùng làm lương thực tại Trung Hoa. Sau này, Ngũ Cốc là từ ngũ phẩm chỉ các loại lương thực. Ngũ Cốc gồm: đạo (gạo tẻ), thử (kê hạt lớn, proso millet), tặc (tiểu mễ, kê hạt nhỏ, foxtail millet), mạch (lúa mì, bao gồm các loại như hắc mạch, tiểu mạch, kiều mạch v.v...), thực (đại đậu, tức đậu nành).

Tin tưởng, khá lắm! Hạt giống này quả thật có thể trồng để thu được gạo, nhưng người ấy không trồng. Không trồng thì cũng không được rồi! Cũng chẳng thể có thâu hoạch. Điều này tỷ dụ tín mà không có nguyện.

(Sớ) *Nguyện nhi vô hạnh giả, tuy vọng đắc cốc, bất sự canh nậu giả dã.*

(疏) 願而無行者，雖望得穀，不事耕耨者也。

(Sớ: *Nguyện mà thiếu hạnh, tuy mong có gạo, nhưng chẳng chú trọng cày bừa*).

Tuy người ấy tin tưởng, cũng chịu phát nguyện, nhưng không hành, giống như hạt giống tốt đẹp, người ấy tin hạt giống này có thể tăng trưởng, cũng gieo trồng. Gieo xong, chẳng đoái hoài tới! Gieo xong, chẳng hề làm cỏ, bón phân, tưới tắm, nó vẫn chẳng tăng trưởng được, hạt giống ấy sẽ chết khô. Quý vị có tín nguyện, chẳng hành, chắc chắn chẳng thể thành công.

(Sớ) *Chuẩn thượng khả tri, thử tam giả, giai luy liệt, phá lậu chi khí, bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị, cố danh phi khí.*

(疏) 準上可知，此三者，皆羸劣破漏之器，不堪承受甘露法味，故名非器。

(Sớ: *Dựa theo những điều trên đây, biết rằng ba hạng người ấy (không tín, không nguyện, không hạnh) đều là những căn khí kém cỏi, hư nát, rò rỉ, chẳng kham tiếp nhận pháp vị cam lộ, nên gọi là “phi khí”*).

Câu này có nghĩa là: Dùng tỷ dụ để thuyết minh ba điều kiện ấy, nếu thiếu mất một mà tu pháp môn này, sẽ chẳng thể thành công. Do vậy, gọi họ là “phi khí”. Vì sao? “Luy liệt, phá lậu chi khí” (căn khí kém cỏi, hư nát, rò rỉ), chẳng thể dùng được! Chúng ta phải đặc biệt chú ý điều này. Bởi lẽ, vì là “phi khí”, nên tiếp theo đó, [lời Sớ] viết: “*Bất kham thừa thọ cam lộ pháp vị*” (chẳng thể tiếp nhận cam lộ pháp vị). Cam lộ pháp vị là tỷ dụ, xuất phát từ kinh Lăng Nghiêm. Trong kinh, đức Phật đã giảng ý nghĩa này rất sâu, được gọi là “thuần vô lậu” thì chính là “pháp khí chân chánh”. Chẳng hạn như cái chén trà này rất sạch sẽ, đựng cam lộ trong đó, đây là thượng vị. Nếu trong ấy có lẫn chút độc, toàn thể cam lộ đều biến thành nước độc. Nói cách khác, chẳng thể xen tạp mảy may chất độc nào! Điều này có nghĩa là: “Đoạn ác phải đoạn sạch sành sanh, tu thiện phải tu

viên mãn”, tỷ dụ ý nghĩa này! Quyết định chẳng thể cho rằng lỗi làm nhỏ nhặt chẳng sao, không ăn nhằm gì! Lỗi làm vấy bẩn không sao, tức là trong đồ đựng ấy chưa rửa sạch chất độc, vẫn còn thừa sót một chút. Một chút chất độc thừa sót nhất định sẽ biến [cam lộ] thành thứ gây tổn hại mất mạng!

Chúng ta hãy suy nghĩ: Trong cuộc sống thường ngày, phiền não, tập khí quá nặng, đoạn phiền não thì bắt đầu đoạn từ chỗ nào? Phiền não tập khí nào nặng nhất thì hãy khởi sự từ phiền não nặng nhất ấy. Trước hết, phải đoạn cái nặng nhất, rồi đoạn cái kém nặng hơn; giống như trị bệnh: Thầy thuốc trị bệnh, người ấy quá nhiều bệnh, trong số ấy, căn bệnh nào nguy hiểm đến tánh mạng thì phải trị căn bệnh ấy trước. Trước hết, phải giữ được cái mạng, rồi mới trị những bệnh ít nặng hơn. Trước hết, chữa trị căn bệnh nặng nhất, mà bệnh nặng nhất của mỗi người mỗi khác, mỗi chúng sanh căn tánh khác nhau, tham, sân, si, mạn, nghi, rất nhiều thứ khác nhau, chính mình biết rõ, người khác không biết! Thuở Phật tại thế, đức Phật ngũ nhãn viên minh, chẳng những thấy một đời của quý vị, mà còn thấy quá khứ, đời quá khứ của quá khứ, những tư tưởng hành vi từ vô thủy kiếp đến nay của quý vị, Ngài đều biết rõ. Vì thế, đức Phật thuyết pháp là cắt thuốc theo đúng căn bệnh, hễ kê thuốc, quý vị bèn lành bệnh.

Nay là thời kỳ Mạt Pháp, những pháp sư đại đức thiếu bản lãnh ấy, chẳng có thần thông, chẳng thấy đời quá khứ của quý vị. Do vậy, chính mình phải phản tỉnh, chính mình phải hiểu rõ ta có những bệnh nào, bệnh nào nặng nhất trong những căn bệnh ấy. Bệnh nào nặng nhất thì phải sửa đổi trước, phải suy nghĩ phương pháp thay đổi. Sửa lỗi gọi là sám hối, sám có nghĩa là phát lộ (phơi bày), Sám (懺) là tiếng Ấn Độ, tức Sám-ma (ksama). [Sám hối] chính là đem những chuyện ta đã làm sai quấy bày ra đều nói ra cho mọi người biết, chẳng ẩn giấu. Chẳng ẩn giấu tội lỗi của chính mình thì gọi là Sám. Hối (Āpatti-pratideshana) là sau đó không làm nữa. Có những đồng tu bảo tôi: Trong quá khứ, họ đã làm quá nhiều chuyện sai quấy, nay rất khó chịu, thường ăn năn. Họ coi đó là sám hối! Chẳng phải vậy! Đó gọi là “tội chồng thêm tội”, vì sao? Quý vị nghĩ đến một lần là phạm thêm một lần, quý vị sợ tội nghiệp do chính mình đã tạo chẳng đủ nhiều ư? Mỗi một lần nghĩ tới là ấn tượng trong A Lại Da Thức lại sâu hơn một nấc, lại tăng thêm một lần, làm sao được nữa! Đó chẳng phải là sám hối! Sám hối là tiêu trừ nghiệp chướng; quý vị hằng ngày tăng thêm nghiệp chướng, chỉ sợ sức mạnh của nó chưa đủ lớn, chỉ sợ nó chưa đầy, làm sao được nữa! Học Phật kiểu đó là học điên đảo vậy!

Phật pháp, quyết định chẳng áo não, bút rút vì quá khứ, chuyện quá khứ kể như xong, chẳng còn nghĩ đến nó nữa. Pháp môn sám hối là như thế này: Ta làm chuyện sai quấy, ta hướng về mọi người thưa rõ, từ nay trở đi chẳng còn làm chuyện sai quấy ấy nữa, đó gọi là sám hối thật sự, quyết định chẳng nghĩ đến nữa. Quý vị có ý nghĩ ấy, vì sao chẳng nghĩ đến A Di Đà Phật? Vì sao chẳng niệm A Di Đà Phật? Nghĩ đến những tội lỗi, đúng là hồngбет. Quý vị nghĩ đến A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật, tương lai vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị hằng ngày nghĩ đến tội lỗi, nghĩ tới tội lỗi ấy thì lẽ nào chẳng đọa trong địa ngục? Đó là tu pháp môn địa ngục. Phải giác ngộ, phải thật sự giác ngộ. Vì thế, ngàn vạn phần đừng nên hiểu lầm ý nghĩa của những danh từ, thuật ngữ trong kinh Phật, phiền phức lắm!

Trong kinh nói, ắt phải gột rửa sạch sẽ những ô uế trong tâm địa của chính mình. Sám hối là phương pháp gột rửa, tức là gột rửa sạch sẽ tâm địa. Như vậy thì mới thành pháp khí, mới có thể nhận lãnh cam lộ pháp vị. Cam lộ pháp vị cũng có tỷ dụ, khi ấy, tâm địa đã thật sự thanh tịnh rồi, người ấy vừa nghe pháp, vừa tiếp xúc Phật pháp, sẽ khai ngộ, pháp hỷ sung mãn. Quý vị tiếp xúc Phật pháp mà chẳng khai ngộ là do tâm chẳng thanh tịnh. Tâm thanh tịnh chẳng thể không khai ngộ. Do vậy, quý vị ngàn vạn phần đừng nên bút rút vì chuyện cũ, đừng nên nghĩ tới những tội nghiệp trước kia. Vì quý vị càng nghĩ đến, tâm quý vị chắc chắn chẳng thanh tịnh. Chúng ta niệm Phật nhằm mong cầu công phu thành phiền, nhất tâm bất loạn; suốt ngày suy nghĩ loạn xạ, làm sao thành phiền cho được? Công phu chẳng thể thành phiền, cũng chẳng đạt được nhất tâm.

(Sớ) Hựu phục thể nhân tuy hành chúng thiện, ư bỉ Phật độ, vô tín hạnh nguyện, diệc danh phi khí.

(疏)又復世人雖行眾善，於彼佛土，無信行願，亦名非器。

(Sớ: Lại nữa, người đời tuy hành các điều thiện, nhưng không có tín hạnh nguyện đối với cõi Phật ấy thì cũng gọi là “phi khí”).

Đây là nói người lành trong thế gian tuy làm lành, cho đến nói người học Phật tuy thâm nhập kinh tạng, y giáo phụng hành, tu rất tốt đẹp, rất có công phu, nhưng chẳng tin tưởng Tịnh Độ, chẳng bằng lòng vãng sanh, hạng người ấy vẫn gọi là “phi khí”. Câu chuyện “tam sanh thạch” (hòn đá ba đời) các đồng tu học Phật đều nghe rồi. Thiền sư Viên Trạch là người

đời Đường, vị này tu Thiền, công phu thật sự cao minh. Sư có một vị hộ pháp là cư sĩ Lý Nguyên; khi ấy, Lý Nguyên làm quan rất lớn, hộ trì Sư. Giao tình giữa thiền sư Viên Trạch và Lý Nguyên hết sức sâu dày. Có một hôm Lý Nguyên đề nghị triều bái núi Nga Mi, hai người chí đồng đạo hợp. A! Cùng đi triều bái núi Nga Mi, nhưng chọn lựa lộ trình, hai người ý kiến khác biệt, thiền sư muốn đi đường bộ, Lý Nguyên nói: “Chúng ta ngồi thuyền, thoải mái hơn nhiều, hãy đi theo đường thủy”. Đến cuối cùng, thiền sư Viên Trạch không thể thuyết phục cư sĩ Lý Nguyên, bèn cùng cư sĩ Lý Nguyên ngồi thuyền ra đi. Thuyền bơi theo ven sông, thấy một phụ nữ mang thai giắt quần áo nơi đó. Thuyền đi ngang qua bà ấy, thiền sư Viên Trạch vừa trông thấy bèn ứa nước mắt. Cư sĩ Lý Nguyên nói: “Trên đường đi thấy phụ nữ mang thai giắt áo rất nhiều, thầy chẳng rơi lệ. Vì sao thấy người này, thầy lại khóc?” Ngài nói: “Tôi sợ dĩ không muốn đi theo đường này là vì sợ gặp bà ta. Bà ta mang thai đã ba năm vì đợi tôi đầu thai. Nếu chẳng thấy thì còn có thể tránh né, nay đã gặp, trốn không được, nhất định phải đầu thai!”

Thật ra, Sư thật sự có thần thông, hôm rời khỏi chùa, đã viết sẵn di chúc. Trong chùa có những chuyện cần phải giao phó đều dặn dò rõ ràng. Sau đó, Lý Nguyên trở về chùa, mới biết Sư đã sớm biết trước. Sư nói: “Tôi đến nơi đó đầu thai, ông hãy lo liệu hậu sự cho tôi. Sau đó, ông đến nhà họ trong thôn ấy để kiếm tôi. Chúng ta gặp mặt, tôi cười với ông một tiếng để làm chứng”. Đứa bé mới vừa sanh ba ngày, quý vị nghĩ xem: Vừa gõ cửa, nó trông thấy bạn cũ liền cười để làm chứng. Lại còn bảo ông Lý: “Mười hai năm sau, đêm Rằm tháng Tám trăng tròn, ước định gặp nhau tại một ngôi chùa ở Hàng Châu”. Quý vị nghĩ xem: So với Hoạt Phật chuyển thế hiện đời cao minh hơn nhiều lắm! [Hoạt Phật] chuyển thế, chẳng biết gì hết, hồ đồ, còn vị này hiểu rõ ràng, ước hẹn với bạn cũ cả mười hai năm sau: “Chúng ta lại gặp mặt ở nơi đó”. Đúng là chẳng đơn giản! Vì thế, chuyển thế là thật, chẳng giả, chẳng hiếm hoi, lạ lùng. Quý vị nghĩ xem: Có ai chẳng phải là chuyển thế hay chẳng? Không có một ai chẳng phải là chuyển thế, nhưng một đẳng là chuyển thế mà hiểu biết rõ ràng, một đẳng là chuyển thế nhưng không biết rõ ràng!

Thiền sư Viên Trạch có năng lực như thế, mà chẳng thể vượt thoát lục đạo luân hồi, chẳng tránh khỏi phải chịu khổ trong tam giới. Dầu công phu cao minh hơn, bất quá cũng sanh vào trời Tứ Thiên hưởng phước mà thôi! Muốn thoát tam giới liễu sanh tử, chẳng dễ dàng! Câu chuyện hòn đá ba đời là thật, trong Hộ Quốc Túc Tai Pháp Hội Pháp Ngữ, Ấn Quang đại sư cũng nhắc đến chuyện này, khích lệ chúng ta nhất định phải phát

nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Chẳng cầu sanh Tịnh Độ, đầu tu giống như thiên sư Viên Trạch, vẫn phải luân hồi, đó là nhân duyên quả báo. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, phải thật sự giác ngộ, phải phát tâm.

Điều này cho thấy tu các tông khác, Hiền giáo cũng thế, mà Mật giáo cũng thế, chẳng tin Tây Phương Tịnh Độ, chẳng muốn vãng sanh, thấy đều là phi khí. Dưới đây nói người lành tu hành rất tốt đẹp, [nhưng không có Tín, Hạnh, Nguyện] sẽ đều chẳng được.

(Sớ) Tuy hữu chư quá, ư bỉ Phật độ hữu Tín, Hạnh, Nguyện, diệc danh vi khí.

(疏) 雖有諸過，於彼佛土有信行願，亦名為器。

(Sớ: Tuy có các lỗi, nhưng có Tín, Hạnh, Nguyện đối với cõi Phật ấy, cũng gọi là khí).

Quý vị phải đặc biệt lưu ý điểm này, tạo tội nghiệp như thế nào? Quán Vô Lượng Thọ Phật kinh nói quý vị tạo tội nghiệp Ngũ Nghịch, Thập Ác phải đọa địa ngục A Tỳ, đừng sợ, quý vị gặp gỡ pháp môn này, “tôi tin tưởng, tôi phát nguyện, tôi niệm Phật”, quý vị vẫn vãng sanh giống hết như [người lành tu Tịnh Độ]. Do vậy, quý vị tạo tội lỗi nhỏ nhoi, còn sợ điều gì? Có gì phải suốt ngày từ sáng đến tối phải ray rứt trong lòng, chẳng chịu vứt bỏ? Hồng rồi! Tuy quý vị tạo tội nghiệp, chẳng tạo Ngũ Nghịch, Thập Ác, chẳng giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, phá hòa hợp Tăng, chúng ta chẳng làm những chuyện xấu ấy, chẳng có điều ác to lớn ngàn ấy! Hạng người đại ác ấy niệm Phật đều có thể vãng sanh, huống hồ là những tội nhỏ nhặt khác, thấm vào đâu? Vấn đề là quý vị phải thật sự tin tưởng!

Hữu tâm làm những chuyện ác, đó là tội. Vô tâm làm, đó là lỗi, tội lỗi! Tội nghiệp và lỗi làm khác nhau. Chúng ta nay tuy niệm Phật, nhưng tội lỗi vẫn y như cũ không tránh khỏi, lớn nhỏ gì đều có. Đây là đạo lý gì vậy? Tập khí phiền não từ vô thủy kiếp đến nay, công phu niệm Phật của chúng ta hiện thời chưa thể đè nén phiền não, nên mới có hiện tượng này. Nếu đè nén phiền não, tức là quý vị niệm đến mức công phu thành phiền, chẳng còn tạo tội lỗi nữa, đó là điều nhất định. Nói cách khác, chỉ cần vẫn có lỗi làm nho nhỏ, chứng tỏ công phu của quý vị chưa thành phiền. Công phu thật sự thành phiền, sẽ chẳng có lỗi lầm, vì quý vị thật sự có thể chế ngự phiền não, tập khí, quý vị có năng lực ấy. Đạt đến mức Sự nhất tâm bất loạn là đoạn được tập khí phiền não, đoạn hết Kiến Tư phiền não. Đạt đến Lý nhất tâm bất loạn là đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh.

Nói đến chỗ này, tôi còn có một câu kính khuyên các vị đồng tu. Trong Ngũ Nghịch, Thập Ác, còn có một tội nặng sẽ đọa địa ngục A Tỳ, đó là đại vọng ngữ. Đại vọng ngữ là gì? Chính mình chưa chứng quả, bảo người khác tôi đã chứng quả, đó là tội đọa địa ngục A Tỳ. Ta tự mình chưa khai ngộ, bảo người khác: “Tôi đã khai ngộ”. Chưa chứng đạo, tự mình nói đã chứng đạo, tội lỗi ấy vô cùng nặng nề, chẳng phải là vọng ngữ tầm thường, mà là đại vọng ngữ. Do vậy, ngàn muôn phần phải cẩn thận. Có những loại vọng ngữ là Tăng Thượng Mạn, chẳng phải do kẻ ấy cố ý, mà vì không biết, ngu si! Trong quá khứ tôi đã gặp một đồng tu, tu hành niệm Phật khá lắm, ông ta đến nói với tôi là ông ta đã chứng quả A La Hán. Ông ta chưa chứng đắc, tôi nói cách nào ông ta cũng không tin. Tôi nói: “Thật sự chứng quả A La Hán, sáu thứ thần thông đều trọn đủ”. Khi ấy, chúng tôi đang ở trong nhà ông ta, nhà có xây tường, tôi hỏi ông ta: “Bên ngoài xe chạy qua, có người, ông có thấy rõ ràng hay không?” Ông ta nói: “Tôi không thấy”. Tôi nói: “Trong tâm tôi nay đang nghĩ đến chuyện gì, ông có biết hay không?” “Không biết!” Tôi nói: “Ông chẳng có Thiên Nhãn Thông, chẳng có Tha Tâm Thông, ông chưa chứng quả A La Hán”. Ông ta mới chịu phục. Tuy chẳng cố ý khởi vọng ngữ, ông ta vô ý, tự mình nghĩ như vậy, lầm rồi! Lầm lẫn quá rồi!

Do vậy, chúng ta thường xuyên kiểm điểm chính mình, trong tâm của chính mình còn có thị phi, nhân ngã, có tham, sân, si, mạn, chắc chắn là phạm phước. Thứ gì cũng chưa đạt được, mà huệ cũng chưa khai. Chưa có Định, lấy đâu ra Huệ? Chưa có Định mà có Huệ thì là cuồng huệ, hại chết người! Trí huệ thật sự từ tâm thanh tịnh sanh ra. Trong tâm chưa đạt được thanh tịnh, trí huệ do đâu mà sanh? Nhất định phải hiểu điều này. Ngàn vạn phần đừng nên tạo tội lỗi!

(Sớ) Phản thị giai khí, như hạ sở minh.

(疏) 反是皆器，如下所明。

(Sớ: Trái lại, đều là căn khí, sẽ được giảng rõ như dưới đây).

“Phản thị” là trái nghịch với những điều đã nói ở trên. Nói cách khác, kẻ ấy có tín, có nguyện, có hạnh, đây là pháp khí trong pháp môn Tịnh Độ, có thể nhận lãnh pháp môn này, trong đời này chắc chắn có thành tựu chẳng thể nghĩ bàn. Hôm nay chúng tôi giảng tới đoạn này.